

NGHỊ QUYẾT

Quy định về mức chi quà tặng, chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng, thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hằng tháng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Xét Tờ trình số 149/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về mức chi quà tặng, chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng, đối tượng hưu trí và mất sức lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định về mức chi quà tặng, chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng, thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hằng tháng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức chi quà tặng, chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng, thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hằng tháng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (gọi là cán bộ Lão thành cách mạng) đang được hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.

2. Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (gọi là cán bộ Tiền khởi nghĩa) đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.

3. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân đang được hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.

4. Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến đang được hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.

5. Bà mẹ Việt Nam anh hùng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.

6. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh và thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993 đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.

7. Bệnh binh đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.

8. Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.

9. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.

10. Thanh niên xung phong đang hưởng trợ cấp hằng tháng.

11. Người tham gia kháng chiến, người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang hưởng trợ cấp hằng tháng (theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc).

12. Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng.

13. Gia đình liệt sĩ: Gia đình đang hưởng tuất liệt sĩ hằng tháng, gia đình thờ cúng liệt sĩ.

14. Người có công với cách mạng tiêu biểu do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo từng năm (trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã, số lượng 05 đối tượng/xã, phường, đặc khu).

15. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến chính sách hỗ trợ.

Điều 3. Mức chi quà tặng nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) và dịp Tết cổ truyền trên địa bàn tỉnh

1. Mức chi quà tặng nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7)

a) Mức chi quà tặng bằng tiền mặt 500.000 đồng cho các đối tượng được quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 13 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Mức chi quà tặng bằng tiền mặt 1.500.000 đồng cho các đối tượng được quy định tại khoản 14 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Mức chi quà tặng nhân dịp Tết cổ truyền

a) Mức chi quà tặng bằng tiền mặt 500.000 đồng cho các đối tượng được quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Mức chi quà tặng bằng tiền mặt 1.500.000 đồng cho đối tượng được quy định tại khoản 14 Điều 2 Nghị quyết này.

c) Mức chi quà tặng bằng hiện vật trị giá không quá 500.000 đồng/01 suất do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo từng năm cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7, 13 Điều 2 Nghị quyết này.

3. Nguyên tắc thực hiện

a) Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được tặng quà tại Nghị quyết này thì chỉ nhận một suất quà có giá trị cao nhất; trường hợp đối tượng đó đồng thời là gia đình liệt sĩ thì được nhận thêm suất quà của gia đình liệt sĩ.

b) Đối tượng quy định tại khoản 13 Điều 2 Nghị quyết này được tính theo định suất liệt sĩ. Mỗi liệt sĩ thì đại diện thân nhân liệt sĩ hoặc người thờ cúng liệt sĩ được nhận 01 suất quà.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ về y tế, thăm hỏi khi ốm đau

1. Chính sách hỗ trợ về y tế

a) Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng/người/lần, với tần suất 03 lần/người/năm đối với các đối tượng được quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng/người/lần, với tần suất 02 lần/người/năm đối với các đối tượng được quy định tại khoản 3, 5, 6, 7, 9 Điều 2 Nghị quyết này (*riêng đối tượng được quy định tại khoản 6, 7, 9 Điều 2 Nghị quyết này phải có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên*).

2. Chính sách hỗ trợ thăm hỏi khi ốm đau phải điều trị nội trú dài ngày tại bệnh viện hoặc Trung tâm Y tế (*từ 03 ngày trở lên*).

a) Mức hỗ trợ 5.000.000 đồng/người/lần, không quá 02 lần/người/năm đối với đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

b) Mức hỗ trợ 4.000.000 đồng/người/lần, không quá 02 lần/người/năm đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

c) Mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/người/lần, không quá 02 lần/người/năm đối với các đối tượng được quy định tại khoản 3, 5, 6, 7, 9 Điều 2 Nghị quyết này

(riêng đối tượng được quy định tại khoản 6, 7, 9 Điều 2 Nghị quyết này phải có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên).

3. Nguyên tắc thực hiện

Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được thụ hưởng chính sách quy định tại khoản 1, 2 Điều này thì chỉ nhận một mức có giá trị cao nhất.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ nghỉ dưỡng sức tại nhà

Ngoài chính sách điều dưỡng tại nhà do trung ương quy định, các đối tượng được hưởng thêm các mức hỗ trợ:

1. Mức hỗ trợ 12.000.000 đồng/người/năm đối với đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Mức hỗ trợ 8.000.000 đồng/người/năm đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

3. Mức hỗ trợ 6.000.000 đồng/người/năm đối với các đối tượng được quy định tại khoản 3, 5, 6, 7, 9 Điều 2 Nghị quyết này (riêng đối tượng được quy định tại khoản 6, 7, 9 Điều 2 Nghị quyết này phải có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên).

4. Nguyên tắc thực hiện

Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được thụ hưởng chính sách quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này thì chỉ nhận một mức có giá trị cao nhất.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Bố trí từ nguồn ngân sách của tỉnh.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các Nghị quyết, điều, khoản và nội dung sau đây hết hiệu lực:

a) Nghị quyết số 40/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định mức chi quà tặng nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7) và Tết cổ truyền trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định chính sách hỗ trợ người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 và người hoạt động cách mạng từ ngày

01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

c) Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Quy định chính sách hỗ trợ Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

d) Điểm d khoản 1 Điều 3, khoản 4 Điều 4 Quy định về nội dung, mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Nghị quyết số 98/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, Cthđnd.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Tuy